

Di sản Phật giáo Nam Tông và kho tàng chú giải Pali tại Sri Lanka

ISSN: 2734-9195 09:05 04/09/2025

Thông điệp trí tuệ và từ bi của đức Phật, được lan truyền từ Sri Lanka, vẫn đang âm thầm nuôi dưỡng hàng triệu con người trên khắp thế giới, gieo trồng hạt giống giác ngộ và an lạc giữa cuộc đời đầy biến động.

Tác giả: **Sanjoy Barua Chowdhury**

Thường Nguyên (chuyển ngữ và biên tập)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Sri Lanka, đảo quốc nằm ở Nam Á, được biết đến như vùng đất bảo tồn truyền thống Phật giáo Theravāda lâu đời nhất. Kể từ khi chính pháp được truyền đến đảo quốc mang tên Ceylon.

Ba lần đức Phật viếng thăm và gieo mầm chính pháp

Theo truyền thuyết Sri Lanka, 9 tháng sau khi chứng ngộ, đức Phật đã viếng thăm Ceylon vào năm 528 trước Công nguyên. Khi ấy, nơi này chưa có con người sinh sống mà chỉ có các loài phi nhân như dạ xoa (Yaksa) và long thần (Nāga), vốn đang xung đột với nhau. Dù có thể hóa giải mối bất hòa với dạ xoa, đức Phật chỉ thuyết phục được các bộ tộc Nāga quy y Tam bảo.

5 năm sau khi giác ngộ, đức Phật trở lại Ceylon lần thứ hai vào năm 523 TCN. Chuyến đi này nhằm chấm dứt cuộc tranh chấp giữa hai vị long vương là Culodara và Mahodara tại Nāgadīpa, nay thuộc vùng Jaffna phía Bắc đảo. Dưới sự hướng dẫn từ bi và trí tuệ của Ngài, cả hai vị vua đã buông bỏ mâu thuẫn, cùng nhau hòa giải.

8 năm sau ngày thành đạo, đức Phật thực hiện chuyến viếng thăm thứ ba đến hòn đảo vào năm 519 TCN, theo lời thỉnh mời của vua Maniakkhika, lãnh đạo của bộ tộc Nāga. Lần này, Ngài cùng 500 vị đệ tử đến Kananiya. Tại đây, Ngài

để lại dấu chân trái trên đỉnh núi thiêng Sri Pada. Trong tiếng Sinhala, “Sri Pada” nghĩa là “dấu chân linh thiêng”. Trước đây, ngọn núi này còn được gọi là Ratnagiri (Núi Châu báu) hay Samantakuta (Đỉnh Samanta).



Qua 3 lần thân lâm thuyết pháp trên vùng đất Ceylon, đức Phật đã gieo hạt giống chính pháp nơi hòn đảo cát tường này. Đối tượng đầu tiên tiếp nhận giáo pháp của Ngài là các loài phi nhân có tâm thức sẵn sàng tiếp nhận từ bi và chân lý.

Theo bộ sử Phật giáo cổ Mahāvamsa (Đại Sử), vào đúng ngày đức Phật nhập Niết-bàn (Mahāparinibbāna), hoàng tử Vijaya cùng 700 tùy tùng đã cập bến đảo quốc. Dưới sự lãnh đạo của Vijaya, người đến từ xứ Lāta (thuộc Ấn Độ cổ đại), nền văn minh loài người bắt đầu hình thành và phát triển trên đảo Sri Lanka.

Truyền bá Phật pháp thời vua Devanampriya Tissa

Phật giáo chính thức được truyền bá tại Sri Lanka trong thời trị vì của vua Devānāmpriya Tissa (307-267 TCN). Nhà vua là bằng hữu của Hoàng đế Ásoka (304-232 TCN), người trị vì đế chế Maurya hùng mạnh.

Sau khi lên ngôi năm 267 TCN, vua Devānāmpriya Tissa cử sứ giả sang yết kiến hoàng đế Ásoka và nhận được nhiều lễ vật cao quý. Đáp lại, hoàng đế Ásoka cũng gửi tặng nhiều phẩm vật cùng một bức thư chia sẻ việc Ngài đã chuyển hóa tâm linh nhờ tiếp nhận Phật pháp. Trong thư, Ásoka ca ngợi ba ngôi báu, được trích lại trong Mahāvamsa như sau:

“Aham Buddhañ ca Dhammañ ca Sanghañ ca saranam gato upāsakattam vedesim Sakyaputtassa sāsane; tvamp’imāni ratanāni uttamāni naruttama, cittam pasādayitvāna, saddhāya saranam bhaja”.

“Ta đã quy y Tam bảo: Phật, Pháp và Tăng. Với niềm tin thuần thành, ta đã trở thành một cư sĩ trong giáo pháp của bậc Thích tử. Lời dạy của Ngài đối với ta là những bảo châu vô giá, đưa tâm ta đến trạng thái tĩnh tại và an lạc thâm sâu”.

Hoàng đế Asoka không chỉ gửi lời chia sẻ, mà còn bày tỏ mong muốn sâu sắc được trao tặng chân lý tối hậu, tức chính pháp của đức Phật đến với vua Devānāmpriya Tissa. Trước thông điệp đầy từ tâm và trí tuệ ấy, vua Tissa cảm động và phát khởi niềm tin vững chắc vào Phật pháp.

Dưới sự bảo trợ của Asoka, Thượng tọa Mahinda, con trai xuất gia của Ngài cùng bốn vị tỳ-khưu là Itthiya, Uttiya, Sambala và Bhaddasāla đã vượt biển sang Sri Lanka vào năm 250 TCN để truyền bá Phật pháp.

Khi Mahinda Thera gặp vua Devānāmpriya Tissa tại núi Missaka (nay là Mihintale), Ngài đã thuyết giảng bài kinh Cūlahatthipadopama Sutta (Kinh Ví dụ Dấu chân voi nhỏ - Trung Bộ Kinh số 27). Sau thời pháp, nhà vua cùng 40.000 người dân phát tâm quy y Tam bảo.

Vâng lời thỉnh cầu của nhà vua, Thượng tọa Mahinda và Tăng đoàn đến hoàng cung ở Anurādhapura, thọ nhận phẩm vật cúng dường từ triều đình. Tại đây, Mahinda Thera tiếp tục giảng dạy các bộ kinh Petavattu, Vimānavatthu và Sacca-samyutta (thuộc Tương Ưng Bộ Kinh) Theo yêu cầu của quần chúng, Ngài còn thuyết giảng thêm hai bài kinh quan trọng khác: Devadūta Sutta (Kinh Sứ giả của Trời - Trung Bộ số 130) và Bālapandita Sutta (Kinh Người ngu và người trí - Trung Bộ số 129).

Từ Bồ-đề đạo tràng đến đảo Ceylon: Sự phát triển của Tăng đoàn và truyền thống Chú giải Pāli tại Sri Lanka.

Tăng đoàn nữ và cội Bồ-đề đầu tiên trên đất đảo

Sau khi đón nhận giáo pháp từ Thượng tọa Mahinda, vua Devānāmpriya Tissa vô cùng cảm kích và đã dâng tặng Vườn thượng uyển Mahāmegha cho Tăng đoàn cư trú và hoằng pháp. Tại nơi đây, hoàng hậu Anūla cùng một nhóm nữ tín nữ đã đến cầu thỉnh Mahinda Thera cho phép xuất gia.

Nhằm thiết lập Tăng đoàn ni đầu tiên tại Sri Lanka, Mahinda Thera đã thỉnh mời Sanghamittā Therī - em gái ruột của Ngài sang đảo quốc để truyền giới. Việc hoàng hậu Anūla và các nữ đệ tử được thọ giới đánh dấu sự khởi đầu của Ni

đoàn trên đất Sri Lanka. Cùng với đó, Sanghamittā Therī cũng mang đến cội Bồ-đề thiêng liêng chiết từ cây Bồ-đề gốc nơi đức Phật thành đạo và trồng tại thủ đô Anurādhapura. Bà còn mang theo nhiều xá-lợi Phật, được tôn thờ trong các bảo tháp (stūpa) rải rác khắp đảo.

Sự xuất hiện của Mahinda Thera và Tăng đoàn không chỉ truyền bá chính pháp mà còn tạo bước ngoặt lớn trong việc kiến thiết đời sống tôn giáo tại Sri Lanka. Dưới ảnh hưởng của Mahinda Thera, vua Devānāmpriya Tissa đã cho xây dựng nhiều công trình Phật giáo trọng yếu, tiêu biểu như Đại Tự Mahāvihāra, Tu viện Cetiya-pabbata-vihāra, Thūparāma, cùng khu thánh tích cây Bồ-đề tại Anurādhapura.

Dipavamsa và Mahavamsa: Di sản kinh điển của văn học Phật giáo Sri Lanka

Ngay từ buổi đầu Phật giáo bén rễ tại Sri Lanka, các vị Tỳ-khưu và học giả đã đóng vai trò then chốt trong việc phát triển văn học Phật giáo bằng ngôn ngữ Pāli. Theo truyền thống Theravāda, Pāli được xem là ngôn ngữ linh thiêng và chính thống, dùng để ghi chép trung thực lời dạy của đức Phật.

Hai bộ sử lớn nhất của Sri Lanka là Dīpavamsa (Đảo sử) và Mahāvamsa (Đại sử), đều được biên soạn bằng tiếng Pāli. Dīpavamsa gồm 22 chương, được xem là văn bản sớm hơn; trong khi đó Mahāvamsa gồm 37 chương, với nội dung chi tiết hơn về các triều đại và sự kiện lịch sử.

Dīpavamsa ghi lại tường tận các sự kiện như: ba lần đức Phật đến Sri Lanka; ba kỳ kết tập kinh điển tại Ấn Độ; giai đoạn hình thành xã hội loài người tại đảo; sự xuất hiện của vua Vijaya, người đặt nền móng vương quốc; và các triều đại nổi bật như vua Devānāmpriya Tissa, Dutthagāmani, Vattagāmani và Mahāsena.

Trong khi đó, Mahāvamsa kế thừa nội dung từ Dīpavamsa nhưng bổ sung nhiều tình tiết phong phú về các vị vua như Pandukābhaya và Dutthagāmani. Cả hai văn bản đều nhấn mạnh đến sự định hình của Phật giáo Sri Lanka, cũng như sự hình thành các tông phái mới sau này.

Buddhaghosa và sự hình thành kho tàng Chú giải Pali tại Sri Lanka

Một trong những đóng góp vĩ đại nhất của Sri Lanka cho Phật giáo Theravāda chính là việc biên soạn hệ thống Chú giải (Atthakathā) bằng tiếng Pāli. Dưới sự lãnh đạo của Thượng tọa Buddhaghosa, ngôn ngữ Pāli được phát triển thành

một công cụ phân tích sâu sắc lời dạy của đức Phật.

Buddhaghosa Thera là một vị tăng sĩ người Ấn Độ sống tại Bodh Gaya vào thế kỷ V CN. Ngài nổi tiếng với kiến thức uyên bác về Vệ-đà và triết học. Sau khi quy y và học đạo với Đại trưởng lão Revata, Ngài chuyên tâm nghiên cứu tam tạng Pāli và triết học Phật giáo.

Vì nhận thấy nhu cầu cấp thiết phải chuyển hóa các bản Chú giải cổ bằng tiếng Sinhala sang Pāli, Buddhaghosa đã được thầy Revata khuyên nên sang Sri Lanka. Tại Anurādhapura, trung tâm trí tuệ Phật giáo khi ấy, Buddhaghosa bắt đầu sự nghiệp biên soạn vĩ đại của mình.

Tác phẩm đầu tiên và quan trọng nhất của Ngài là Visuddhimagga (Thanh Tịnh Đạo Luận), một công trình thể hiện khả năng biên tập, phiên dịch và hệ thống hóa chính pháp. Sau khi hoàn thành tác phẩm này, các bậc trưởng lão trong Tăng đoàn đã tin tưởng và mời Ngài tiếp tục công cuộc phiên dịch toàn bộ Chú giải Sinhala cổ sang Pāli.

Dựa trên tài liệu cổ và các ghi chép của truyền thống, Buddhaghosa đã hoàn thành 16 bộ Chú giải kinh điển, trong đó nhiều lần trích dẫn từ Mahāvamsa và Dīpavamsa. Sau Ngài, các học giả khác như Buddhaddatta Thera, Upasena Thera và Mahānāma Thera tiếp tục sự nghiệp, góp phần làm phong phú và vững chắc nền chú giải của Tam tạng Kinh điển.

Canonical Text	Commentary	Author of Commentary
Sutta Piṭaka (5 Parts)		
1. Dīgha Nikāya	Sumaṅgalavilāsinī	Buddhaghosa
2. Majjhima Nikāya	Papañcasūdanī	Buddhaghosa
3. Saṃyutta Nikāya	Sāratthapakāsunī	Buddhaghosa
4. Aṅguttara Nikāya	Manorathapurāṇī	Buddhaghosa
5. Kuddaka Nikāya (15 Texts)		
5.1 Khuddakapāṭha	Paramatthajotika	Buddhaghosa
5.2 Dhammapada	Dhammapadaṭṭhakathā	Buddhaghosa
5.3 Udāna	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.4 Itivuttaka	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.5 Suttanipāta	Paramatthajotika	Buddhaghosa
5.6 Vimānavatthu	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.7 Petavatthu	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.8 Theragāthā	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.9 Therīgāthā	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
5.10 Jātaka	Jātakatṭhakatha	Buddhaghosa
5.11 Niddesa	Saddhammapajjotika	Upasena
5.12 Paṭisambhidāmagga	Saddhammappakāsinī	Mahānāma
5.13 Apadāna	Visuddhijanavilāsinī	Unknown
5.14 Buddhavaṃsa	Madhuratthavilāsinī	Buddhadatta
5.15 Cariyāpiṭaka	Paramatthadīpanī	Dhammapāla
Vinaya Piṭaka (2 Parts)		
1. Vinaya Piṭaka	Samantapāsādikā	Buddhaghosa
2. Pātimokkha	Kaṅkhāvitarāṇī	Buddhaghosa
Abhidhamma Piṭaka (7 Parts)		
1. Dhammasaṅgani	Atthasālinī	Buddhaghosa
2. Vibhaṅga	Sammohavinodanī	Buddhaghosa
3. Kathāvatthu	Pañcappakaraṇaṭṭhakathā	Buddhaghosa
4. Puggalapaññati	Pañcappakaraṇaṭṭhakathā	Buddhaghosa
5. Dhātukathā	Pañcappakaraṇaṭṭhakathā	Buddhaghosa
6. Yamaka	Pañcappakaraṇaṭṭhakathā	Buddhaghosa
7. Paṭṭhāna	Pañcappakaraṇaṭṭhakathā	Buddhaghosa

Danh sách các tác giả và bình luận Pāli

Hai trung tâm lớn hỗ trợ quá trình biên soạn này là tu viện Mahāvihāra và tu viện Abhayagiri, những trung tâm Phật học tiêu biểu nhất thời đó. Mahāvihāra do vua Devānāmpriya Tissa sáng lập trở thành tu viện lớn, nơi quy tụ hàng ngàn Tăng sĩ và học giả lỗi lạc như Buddhaghosa và Dharmapāla. Các vị tu sĩ nơi đây được gọi là Mahāvihāravāsins (chư Tăng thuộc Mahāvihāra).

Theo ghi chép của Huyền Trang (Xuanzang), nhà sư Trung Hoa nổi tiếng thế kỷ VII từng có khoảng 3.000 tăng sĩ cư trú tại Mahāvihāra trong thời kỳ hưng thịnh nhất.

Di sản Abhayagiri và văn hóa lễ bái Phật giáo tại Tích Lan

Tu viện Abhayagiri, một trong những trung tâm Phật giáo danh tiếng, được Quốc vương Vattagāmani Abhaya sáng lập vào khoảng năm 29 -17 TCN. Tu viện

tọa lạc ở phía Bắc thành Anurādhapura, kinh đô của đảo quốc Tích Lan (Sri Lanka) thời bấy giờ.

Điểm đặc biệt của Abhayagiri chính là tính cởi mở và dung chứa ba truyền thống lớn của Phật giáo: Theravāda, Mahāyāna và Vajrayāna. Chư tăng thuộc ba truyền thống cùng tu học và sinh hoạt hòa hợp tại đây. Điều này giúp tu viện trở thành một trung tâm quốc tế, nơi quy tụ các bậc học giả, cao tăng từ Ấn Độ và Trung Hoa cổ đại. Họ đến đây để nghiên cứu, biên tập kinh sách Phật giáo bằng hai ngôn ngữ Pāli và Sanskrit.

Vào thế kỷ thứ IV, khi Xá lợi Răng Phật được cung nghinh về Tích Lan, Abhayagiri đã được chọn làm nơi tôn trí thánh tích. Từ đó đến nay, hàng ngàn tín đồ và hành giả vẫn hằng ngày chiêm bái Xá lợi tại nơi thiêng liêng này.

Du tăng Trung Hoa Pháp Hiễn (Faxian, 337-422) từng ghi nhận có tới 5.000 vị tăng cư trú tại tu viện Abhayagiri trong thời điểm ông vân du đến đây.

Một trong những văn bản quan trọng được biên soạn tại tu viện này là Vimuttimaggā (Con đường giải thoát), do Tỳ-kheo Upatissa trước tác vào khoảng thế kỷ I-II.

Văn hóa lễ bái tại Sri Lanka và sự tôn kính Bồ-đề thụ

Sri Lanka được xem là quốc gia thực hành truyền thống Phật giáo nguyên thủy lâu đời nhất. Các nghi lễ phổ biến như tụng kinh, trì pháp, lễ bái Xá lợi và tượng Phật, cùng việc hành lễ vào các đêm trăng tròn (uposatha) đã được duy trì bền bỉ qua hàng ngàn năm.

Kể từ khi Ni sư Tăng-già-mật-đa (Sanghamittā Therī), con gái Vua A Dục mang cành Bồ-đề thiêng từ Ấn Độ sang Tích Lan, việc lễ bái Bồ-đề thụ đã trở thành một truyền thống tâm linh trọng yếu khắp hòn đảo này.

Trong nghi lễ Bodhi Pūjā, tín chúng thường tụng bài kệ tán thán cây Bồ-đề (trích từ Bodhi Vandana):

Yassa mūle nisinno va

Sabbāri vijayam akā

Patto sabbaññutam satthā

Vande tam Bodhi-pādapam

Ime ete mahā-Bodhi

Loka-nāthena pūjitā

Aham pi to namassāmi

Bodhirāja namatthu te

Tạm dịch:

“Nơi cội cây này, đức Thế Tôn đã ngồi

Chứng thắng mọi ma quân, đạt quả Vô thượng Bồ đề.

Con đánh lễ cây Bồ-đề ấy - nơi giác ngộ tột cùng.

Cây Bồ-đề vĩ đại, được Thế Tôn tôn kính,

Nay con xin kính lễ, đánh lễ Ngài - Vua Bồ-đề”.

Việc lễ bái Xá lợi Phật cũng trở thành một truyền thống thiêng liêng kể từ khi Sanghamittā Therī mang thánh tích đến Sri Lanka. Xá lợi được tôn trí trong hàng trăm bảo tháp (stūpa) rải rác khắp đảo quốc. Việc lễ bái các bảo tháp được chính đức Phật khuyến khích trong Kinh Đại Bát Niết-bàn (Mahāparinibbāna Sutta). Khi hành lễ, tín chúng thường tụng kệ như sau:

Vandāmi cetiyam sabbam

Sabbatthānesu patitthitam

Sārīrikadhātu Mahā-Bodhim

Buddharūpam sakalam sadā

Tạm dịch:

“Con kính lễ mọi bảo tháp ở khắp nơi,

Xá lợi Thế Tôn, cây Bồ-đề vĩ đại,

Và tất cả hình tượng của Đức Phật - con đều hằng kính lễ”.

**Từ Tích Lan lan tỏa đến toàn vùng Phật giáo
Nguyên thủy**

Chính tinh thần mộ đạo của chư tăng và Phật tử Sri Lanka đã truyền cảm hứng mạnh mẽ đến các quốc gia có truyền thống Theravāda như: Bangladesh, Campuchia, Lào, Myanmar và Thái Lan.

Ngày nay, Sri Lanka ở đảo quốc có khoảng 70% dân số theo truyền thống Theravāda, sự bảo tồn hệ thống Kinh - Luật - Luận nguyên thủy, cùng với các bản luận giải cổ điển, đã tạo nên nền tảng vững chắc cho di sản Phật giáo của quốc đảo.

Thông điệp trí tuệ và từ bi của đức Phật, được lan truyền từ Sri Lanka, vẫn đang âm thầm nuôi dưỡng hàng triệu con người trên khắp thế giới, gieo trồng hạt giống giác ngộ và an lạc giữa cuộc đời đầy biến động.

Tác giả: **Sanjoy Barua Chowdhury**

Thường Nguyên (chuyển ngữ và biên tập)

Tạp chí Nghiên cứu Phật học - Số tháng 09/2025

Nguồn: buddhistdoor.net

Tài liệu tham khảo:

[1] Buddhaghosa, Bhadantācariya. *Visuddhimagga: The Path of Purification*. Bhikkhu Ñānamoli dịch. Colombo: Samayawardana Printers, 2010.

[2] Endo, Toshiichi. *Buddha in Theravāda Buddhism: A Study of the Concept of Buddha in the Pali Commentaries*. Dehiwela: Buddhist Cultural Centre, 2002.

[3] Gombrich, Richard. *Theravāda Buddhism: A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo* (ấn bản thứ 2). London: Routledge, 2006.

[4] Ñānamoli, Bhikkhu & Bhikkhu Bodhi. *The Middle Length Discourses of the Buddha* (dịch từ Majjhima Nikāya). Kandy: Buddhist Publication Society, 1995.

[5] Perera, H. R. *Buddhism in Sri Lanka: A Short History*. Kandy: Buddhist Publication Society, 1988. [6] Rahula, Walpola. *History of Buddhism in Ceylon*. Colombo: M. D. Gunasena,